

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-PT

Ngày: 10/02/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, kiện đòi tài sản, yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLPT-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2022, về: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, kiện đòi tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Q H sinh năm 1972; địa chỉ: Số 725, khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, Huyện H, tỉnh K; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H là:* Luật sư Vũ Diệu H – Văn phòng Luật sư Diệu H và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K.

1.2. Bà Hà Thị Tuyết S (chết ngày 11/01/2022)

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S, gồm:*

1.1. Ông Nguyễn Q H (là chồng bà S), sinh năm 1972; địa chỉ: như trên.
Có mặt

1.2. Cháu Nguyễn Thị Á C (là con của ông H, bà S), sinh năm 2002. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

1.3. Cháu Nguyễn Duy Q (là con của ông H, bà S), sinh năm 2004. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện H, tỉnh K.

1.3. Bà Đoàn Thị S (là mẹ của bà S), sinh năm 1944; Địa chỉ: 542, ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh K. Có mặt

1.4. Ông Hà Phú C (là cha của bà S, ông C chết sau bà S) (ông C chết ngày 28/4/2022).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị H sinh năm 1981; địa chỉ: Số 218 quốc lộ 80, ấp Hưng Giang, xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà H là:* Ông Đặng Văn Q sinh năm 1976; địa chỉ: số 175B, Quốc lộ 80, ấp Hưng Giang, xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh K (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021 - BL 77). có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là:* Luật sư Dương Minh Biên – Văn phòng Luật sư Phạm Anh V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hà Phú C (chết ngày 28/4/2022):

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Phú C gồm:*

3.1.1. Bà Đoàn Thị S (là vợ ông C), sinh năm 1944. Địa chỉ: như trên. Có mặt.

3.1.2. Ông Hà Ngọc Minh (là con ông C), sinh năm 1967; địa chỉ: số 427 ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh K. Có mặt.

3.1.3. Ông Hà Phong C (là con ông C), sinh năm 1974; địa chỉ: số 524A ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh K. Vắng mặt khi tuyên án.

3.1.4. Bà Hà Tuyết S, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh K. Vắng mặt khi tuyên án.

3.3. Cháu Hà Bảo T (là con của bà H và ông C1), sinh năm 2005

3.4. Cháu Hà Duy Bảo (là con của bà H và ông C1), sinh năm 2006

Cùng địa chỉ: Số 218 quốc lộ 80, ấp Hưng Giang, xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trâm, cháu Bảo: Bà Đặng Thị H - là mẹ ruột. Địa chỉ như trên. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Đặng Thị H - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Hà Thị Tuyết S và ông Nguyễn Q H trình bày:*

Vào năm 2019-2020, vợ chồng ông Hà Phong C1 và bà Đặng Thị H có mượn giấy tờ nhà và đất của cha mẹ ông, bà là ông Hà Phú C và bà Đoàn Thị S để thế chấp vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Mỹ Lâm K với số tiền vốn gốc là 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7716LAV201901429/HĐTD ngày 06/5/2019. Ông C, bà S đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LCL-201800625/HĐTC ngày 18/5/2018, lấy tài sản của ông, bà là diện tích đất 26.528m² thuộc các thửa đất số 45a tờ bản đồ số 5, 11-f và 11-h tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Nguyễn Văn H, xã Mỹ Thuận, huyện H, tỉnh K để bảo đảm khoản nợ vay của vợ chồng ông C1, bà H.

Sau khi ông C bị tai nạn chết thì vợ là bà H vẫn còn đứng tên trên hợp đồng vay tiền và trả tiền lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Đến ngày làm thủ tục vay lại do bà H là con dâu không được đứng tên vay lại, vì vậy bà H đã nhờ bà S (là con gái của ông C, bà S) đứng ra vay hộ. Được sự ủy quyền của cha mẹ nên vợ chồng ông, bà đã đứng tên vay lại cho bà H, với số tiền vốn gốc là 1.500.000.000 đồng. Ngày 23/4/2020, cha mẹ ông, bà là ông C, bà S đã ký kết với Agribank Chi nhánh Mỹ Lâm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7716-LCL-202000405/HĐTC để bảo lãnh cho khoản vay nợ gốc là 1.500.000.000 đồng của ông C1 và bà H.

Bà H có gửi tiền đóng lãi được 02 quý (06 tháng) đến tháng 11/2020 thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Đến cuối năm 2020 thì bà H có nhờ đóng dùm, thấy vậy bà S đã đứng ra đóng hộ 1 quý gần Tết, nhưng qua Tết đến quý 1 năm 2021 thì bà H không chịu đóng lãi cho Ngân hàng và bắt bà S phải đóng tiếp. Khi bà S và hai người anh xuống gặp thì bà H nói không có khả năng và xin trả 150.000.000 đồng/năm, trả trong vòng 10 năm thì đủ, còn tiền lãi thì bà H không biết.

Theo đơn khởi kiện, bà S và ông H yêu cầu bà H phải trả số tiền vay vốn gốc là 1.500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/11/2020 (dương lịch) đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H trình bày nguồn gốc số tiền 1.500.000.000 đồng vợ chồng ông cho bà H mượn để đáo hạn ngân hàng bao gồm tiền vợ chồng ông bán nhà là 450.000.000 đồng, vay thêm của bà Hà Tuyết S 450.000.000 đồng và vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Sóc Sơn 600.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho bà H. Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả cho ông số tiền vay vốn gốc là 1.500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Theo lời khai của bị đơn là bà Đặng Thị H trình bày:

Vào năm 2019 – 2020, chồng bà là ông Hà Phong C1 tự mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của cha mẹ ruột ông C1 là ông Hà Phú C, bà Đoàn Thị S để thế chấp vay vốn tại Agribank Chi nhánh Mỹ Lâm. Tại Hợp đồng tín dụng số: 7716-LAV201901429/HĐTD, ngày 06/5/2019, vay

số tiền 1.500.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LCL-201800625/HĐTC ngày 18/5/2018 kèm theo phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01 ngày 06/5/2019. Năm 2019 chồng bà bị tai nạn chết, đến thời gian đáo hạn, bà không nhớ thời gian nào và không nhớ ai gọi điện thoại yêu cầu bà đến Agribank Chi nhánh Mỹ Lâm để hồ sơ tất toán đối với Hợp đồng tín dụng nêu trên. Khi xuống tất toán với Ngân hàng thì có mặt mẹ chồng là bà Đoàn Thị S và chị chồng là bà Hà Thị Tuyết S đã làm thủ tục tất toán xong và phía Ngân hàng yêu cầu bà ký tên vào hồ sơ tất toán.

Bà chỉ ký tên hồ sơ tất toán mà không chi trả số tiền ông C1 vay 1.500.000.000 đồng và bà cũng không hỏi mượn tiền của bà S hay bà S để tất toán Ngân hàng, khi ký tên vào hồ sơ tất toán xong bà đi về. Sau khi làm thủ tục tất toán Ngân hàng xong thì bà S tự rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do ông C1 thế chấp nêu trên. Số tiền 1.500.000.000 đồng dùng để tất toán là của ai bà không biết. Do ông C1 tự ý mượn tài sản của cha mẹ chồng bà để thế chấp Ngân hàng, do là vợ chồng nên bà ký tên vào Hợp đồng tín dụng theo yêu cầu của ông C và ông C là người sử dụng hết số tiền 1.500.000.000 đồng vào mục đích cá nhân.

Sau khi ông C1 chết thì hoàn C kinh tế gia đình rất khó khăn nên cha mẹ và chị ruột của ông C1 đã tự nguyện bỏ ra số tiền 1.500.000.000 đồng tất toán cho Ngân hàng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả số tiền vay vốn gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 06/11/2020 là hoàn toàn không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật. Bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Tuyết S, ông Nguyễn Q H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Văn Quyết trình bày: Sau khi ông C1 mất thì phía cha mẹ ruột của ông C1 nhiều lần xuống đòi số tiền 1.500.000.000 đồng thì bà H có nói nếu gia đình đòi lại số tiền 1.500.000.000 đồng đã trả cho ông C1 thì bà sẽ làm trả dần, mỗi năm trả 150.000.000 đồng. Vì sau khi ông C1 mất gia đình rất khó khăn, bà H còn phải gồng gánh nuôi hai đứa con nhỏ nhưng sau đó gia đình ông C1 vẫn không đồng ý, thưa kiện lên Ủy ban nhân dân xã rồi Tòa án. Sau khi ông C1 chết, bà H vẫn tiếp tục đóng lãi ngân hàng, nhưng khi đáo hạn lại phía gia đình ông C1 tự quyết, tự đi trả Ngân hàng. Gia đình ông C1 không bàn bạc với bà H, cũng không trực tiếp đưa tiền cho bà H mượn để đi đáo hạn Ngân hàng nên bà H không biết số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị S, ông Hà Phú C trình bày: Khi ông Hà Phong C1 còn sống thì khoảng tháng 09/2014, do làm ăn cần vốn để mua xe vận chuyển hàng nên hai vợ chồng ông C1 có lên nhà bà năn nỉ mượn giấy tờ nhà đất để thế chấp ngân hàng vay mua xe, vợ chồng bà vì thương con nên đã cho mượn giấy tờ nhà để vay. Đến khi, ông Đặng Văn Khoán (bố vợ của ông C1) yêu cầu trả lại giấy tờ đất thì vợ chồng ông C1, bà H mượn tiếp

giấy tờ đất ruộng để thế chấp ngân hàng vay thêm nhằm rút tiền trả tiền vay lấy giấy đất trả lại cho ông Khoán. Cuối năm 2018, khi đáo hạn ngân hàng để vay lại bà có hỏi bà H tại sao lúc trước vay có mấy trăm triệu mà giờ vay tới 1.500.000.000 đồng, bà H còn nói đưa thêm cái giấy tờ xe nữa mới vay được 1.500.000.000 đồng. Đến khi ông C1 mất cho tới ngày đáo hạn ngân hàng bà H không đủ điều kiện đứng tên vay lại nên đã nhờ con gái bà là Hà Thị Tuyết S đứng ra vay dùm. Khi bà S bệnh, bà H không đóng tiền lãi cho ngân hàng và cũng không trả tiền gốc để đáo hạn ngân hàng. Trong khi đó, ông C1 mất có để lại tài sản gồm có 01 căn nhà và 8 chiếc xe lớn nhỏ, ...một số tài sản khác. Bà H có đến nhà bà nói chỉ có khả năng trả mỗi năm là 150.000.000 đồng, số tiền này vẫn chưa đủ đóng lãi trong một năm. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, buộc bà H trả tiền vay để bà được lấy lại giấy tờ nhà đất.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm các ông/bà: Hà Ngọc M, Hà Phong C, Hà Tuyết S, Đoàn Thị S không có ý kiến gì đối với số tiền bà S, ông H khởi kiện bà H, đồng thời từ chối nhận di sản thừa kế của ông C1, cùng khẳng định số tiền 1,5 tỷ đồng là của vợ chồng bà S, ông H đã trả thay cho bà H nên ông/bà không có không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q H và bà Hà Thị Tuyết S đối với bị đơn là bà Đặng Thị H.

Buộc bà Đặng Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Q H và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Hà Thị Tuyết S là bà Đoàn Thị S, cháu Nguyễn Thị Á C, cháu Nguyễn Duy Q số tiền tổng cộng là 1.768.750.000 đồng (Một tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng), trong đó: vốn gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 268.750.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/9/2022 bị đơn bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Bà Đoàn Thị S, ông Hà Ngọc Minh, Hà Phong C và bà Hà Tuyết S từ chối nhận di sản của ông Hà Phong C1, đồng thời khẳng định số tiền 1.500.000.000đ là số tiền của bà S đã trả nợ thay bà H, những người này không có liên quan gì đến số tiền này.

- Ông H yêu cầu bà H trả số tiền mà vợ chồng ông đã trả nợ thay cho ngân hàng cùng với tiền lãi chậm trả, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Luật sư của nguyên đơn có ý kiến: Ông C1 vay tiền dùng vào mục đích kinh doanh của gia đình, trong số tiền vay thì ông C1 có dùng tiền để mua xe hoạt động kinh doanh, nhưng sau khi mua xe khoảng 48 ngày thì ông C1 bị tai nạn chết, nên không thể xem là ông C1 tiêu xài cho cá nhân. Có nhiều chứng từ trong hồ sơ thể hiện bà S đã trả nợ ngân hàng thay cho ông C1 nhiều lần và khi đến thời hạn tất toán thì bà S đã trả gốc lãi hơn 1,5 tỷ đồng. Ngoài ra, bà H cũng thừa nhận nợ và xin trả dần, về tiền lãi ngân hàng thì bà H cũng trả được nhiều lần... Vì vậy, yêu cầu buộc bà H phải trả cho ông H, bà S số tiền gốc và lãi chậm trả.

- *Người đại diện của bà H trình bày:* Số tiền vay ngân hàng 1,5 tỷ đồng là nợ chung của vợ chồng bà H, ông C1, để vay tiền thì vợ chồng bà H có dùng tài sản của bà S, ông C thể chấp bảo lãnh khoản vay. Khi tất toán nợ thì bà H đóng lãi cho ngân hàng, còn tiền gốc là 1,5 tỷ đồng thì không biết là tiền của ai đã trả nợ thay nhưng sau khi ông C1 chết thì người thân của bà S có đến gặp bà H để đòi tiền thì lúc đó mới biết là tiền của bà S, chứ thật ra không có giấy tờ gì thỏa thuận giữa bà H với phía bà S, ông H về việc trả nợ thay hoặc vay mượn tiền. Đối với tin nhắn bà H nhắn cho bà S nhờ trả lãi dùm là vì bà H với bà S còn các khoản vay khác, bà H có vay tiền của bà S bên ngoài nhưng bà H không có văn bản chứng minh vấn đề này. Nay biết số tiền là của bà S, ông H đã trả thay nhưng yêu cầu bà H trả một lần 1,5 tỷ đồng thì bà H không trả được, vì bà H rất khó khăn và phải nuôi 02 người con nhỏ. Việc trả nợ như thế nào thì đại diện bà H không đồng ý, yêu cầu xử lý theo pháp luật.

Luật sư của bị đơn có ý kiến: Việc trả nợ như thế nào thì nguyên đơn không chứng minh được số tiền 1,5 tỷ đồng là của ai đã bỏ ra, bản án sơ thẩm cũng xác định không rõ ràng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ, về án phí buộc bà H nộp toàn bộ là không đúng, bà H không có vay tiền của bà S, ông H nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và hướng đề nghị giải quyết: Do có căn cứ chứng minh vợ chồng ông H, bà S đã trả nợ thay cho bà H với số tiền là 1,5 tỷ đồng, nên phía ông H yêu cầu bà H trả lại số tiền này là có cơ sở. Ngoài ra, những người thừa kế của ông C1 đều từ chối nhận di sản do ông C1 để lại nên không xem xét đến trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại của người liên quan. Vợ chồng ông H kiện đòi tài sản và không có yêu cầu nào khác, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chưa chính xác, tuy nhiên cấp phúc thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm, đồng thời chỉnh sửa lại sai sót. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Những người vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về những người có liên quan tham gia tố tụng như sau:

Ông Hà Phong C1 chết ngày 24/6/2019. Do ông C1 chết trước khi thụ lý vụ án, nên những người thừa kế hàng thứ nhất của ông C1 gồm: cha là Hà Phú C, mẹ là Đoàn Thị S, vợ là Đặng Thị H, 02 người con là Hà Bảo Châm và Hà Duy Bảo.

Bà Hà Thị Tuyết S chết ngày 11/01/2022 (BL 65). Do bà S chết sau khi thụ lý vụ án, nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S gồm: Cha là Hà Phú C, mẹ là Đoàn Thị S, chồng là Nguyễn Q H, 02 người con là Nguyễn Thị Á C và Nguyễn Duy Q.

Ông Hà Phú C chết ngày 28/4/2022 (BL 209). Do ông C chết sau khi thụ lý vụ án, nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm: Vợ là Đoàn Thị S, 03 người con gồm: Hà Ngọc Minh, Hà Phong C, Hà Tuyết S.

[2] *Về nội dung vụ án như sau*: Vào năm 2019 - 2020 ông Hà Phong C1 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của ông Hà Phú C, bà Đoàn Thị S để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng AGRIBANK Chi nhánh xã Mỹ Lâm theo Hợp đồng tín dụng số: 7716-LAV201901429/HĐTD, ngày 06/5/2019, vay số tiền 1.500.000.000 đồng, vay tiền là để sử dụng vào mục đích kinh doanh của gia đình, được vợ chồng ông C1, bà H ký vay. Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LCL-201800625/HĐTC ngày 18/5/2018 kèm theo phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01 ngày 06/5/2019. Sau khi ông C1 bị tai nạn chết. Đến thời điểm tất toán nợ tại Ngân hàng thì có mặt bà Đặng Thị H, bà Đoàn Thị S và bà Hà Thị Tuyết S, sau khi đã thanh toán đủ nợ gốc và lãi thì phía Ngân hàng yêu cầu bà H ký tên vào hồ sơ tất toán. Bà H chỉ mang tiền theo trả lãi, bà H không phải là người trả nợ gốc cho Ngân hàng và bà H cũng không biết số tiền 1.500.000.000 đồng là do ai đã trả thay. Đến khi phía gia đình ông H, bà S đòi bà H trả lại số tiền 1,5 tỷ đồng thì bà H mới biết là tiền của bà S, bà H không có thỏa thuận vay mượn tiền của bà S.

[3] *Xét kháng cáo của bà Đặng Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng*: Mặc dù bà H cho rằng không biết ai là người trả nợ thay nhưng theo giấy Ủy nhiệm chi ngày 07/4/2020 (BL 188), Chứng từ giao dịch ngày 07/4/2020 (BL 185), Bảng liệt kê chứng từ giao dịch thu nợ ngày 06/4/2020 (BL 184) thể hiện bà S là người đã thanh toán nợ cho hợp đồng tín dụng của ông C1, bà H.

Hơn nữa, sau khi ông C1 chết, khi những người thân của bà S đến đòi tiền thì bà H mới biết là bà S, ông H là người đã trả thay số nợ 1.500.000.000 đồng và do không có khả năng hoàn trả lại một lần nên bà H xin trả dần là 150.000.000đ/năm. Mặt khác, việc vợ chồng bà S, ông H khởi kiện bà H để yêu cầu bà H trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng thì bà S, ông C và những người liên quan đều không ai có ý kiến gì khác. Bà S khẳng định số tiền 1.500.000.000 đồng là của bà S. Từ đó có cơ sở xác định bà S, ông H yêu cầu bà H trả lại số tiền đã trả thay là hoàn toàn có cơ sở.

Do ông C1 chết không để lại di chúc nên những người hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông C1 cũng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, những người thừa kế khác của ông C1 (ngoài bà H và 02 người con của ông C1) đều từ chối nhận di sản của ông C1, hiện nay di sản của ông C1 do bà H là người quản lý. Hơn nữa, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông C1, bà H phải có nghĩa vụ chung để trả số tiền nợ cho ông H, bà S. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 1.500.000.000đ và lãi chậm trả tính từ ngày ông H, bà S yêu cầu trả nợ là vào ngày 06/11/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 24/8/2022 là 21,5 tháng, lãi suất 10%/năm, thành tiền là 1.768.750.000 đồng (trong đó, tiền nợ là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 268.750.000 đồng).

[4] Xét thấy cấp sơ thẩm xác định giao dịch yêu cầu trả nợ thay giữa vợ chồng ông H với bà H là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là chưa chính xác. Bởi lẽ, giao dịch giữa phía ông H với bà H không phát sinh từ thỏa thuận vay tài sản. Nhưng do phía ông H là người đã trả thay số tiền nợ cho bà H, nên phía ông H khởi kiện yêu cầu đòi tài sản (tiền), tại phiên tòa phúc thẩm ông H cũng khẳng định chỉ kiện bà H trả nợ, không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần xác định là “*Tranh chấp về đòi lại tài sản (tiền)*” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, trong vụ án này có liên quan đến nghĩa vụ của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1, nhưng phía ông H chỉ yêu cầu bà H trả nợ. Nên việc xem xét về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại là quy định pháp luật có liên quan, các đương sự không tranh chấp và cũng không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Mặc dù bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện các thủ tục tố tụng để giải quyết quan hệ pháp luật này (cụ thể là không xác minh di sản của ông C1, giá trị di sản, không giải quyết di sản mỗi người được hưởng bao nhiêu và cũng không buộc những người thừa kế khác của ông C1 trả nợ...), do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là thừa, chứ không bị xem là vi phạm tố tụng do giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện. Ngoài ra, tại phần mở đầu bản án, phần tiêu đề về trích dẫn quan hệ pháp luật và phần nội dung bản án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”, tuy nhiên tại phần đầu bản án, biên bản nghị án, biên bản phiên tòa, quyết định xét xử đều xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, kiện đòi tài sản*”. Mặc dù

cấp sơ thẩm có sai sót nhưng nội dung bản án nhận định bà H có nợ tiền vợ chồng bà S, ông H và quyết định buộc bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp. Do đó những sai sót này cấp phúc thẩm khắc phục được và không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, nhận thấy quyết định của bản án dân sự sơ thẩm về việc buộc bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp. Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H là có cơ sở nên chấp nhận. Không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H. Thống nhất đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc: Không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[6] *Về án phí dân sự*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Đặng Thị H phải nộp án phí với số tiền là 65.062.500 đồng ($36.000.000đ + [(1.768.750.000đ - 800.000.000đ) \times 3\%]$).

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Q H, bà Hà Thị Tuyết S.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Là 300.000đ, buộc bà Đặng Thị H phải nộp, do kháng cáo của bà H không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều: 166, Điều 280, 357, khoản 2 Điều 468, 615 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST, ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Đặng Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Q H và những người thừa kế của bà Hà Thị Tuyết S là bà Đoàn Thị S, cháu Nguyễn Thị Á C, cháu Nguyễn Duy Q tổng cộng số tiền là 1.768.750.000 đồng (Một tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng), trong đó: tiền nợ là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 268.750.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Đặng Thị H phải nộp án phí với số tiền là 65.062.500 đồng.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Q H, bà Hà Thị Tuyết S (những người thừa kế của bà S) số tiền 28.500.000đ theo biên lai thu số 0003192, ngày 02/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Là 300.000đ, buộc bà Đặng Thị H phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào án phí tạm nộp với số tiền là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008095, ngày 06/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K (đã thực hiện xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Tấn

Nguyễn Thị Nhiên

Đặng Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Hện Hòn Đất;
- THA dân sự Hện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân